



DAY TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH JRAI

ThS. NGUYỄN HUỆ YÊN

Trung tâm Nghiên cứu Giáo dục Dân tộc

I. Đặt vấn đề

Cư trú ở vùng Trường Sơn - Tây Nguyên, học sinh (HS) dân tộc Jrai cũng như HS các dân tộc thiểu số (DTTS) khác, học tiếng Việt (TV) là học ngôn ngữ thứ hai. Người Jrai có tập tính cư trú theo cộng đồng làng. Mỗi làng Jrai như một "ốc đảo" biệt lập. Khả năng giao tiếp của các thành viên người Jrai với các dân tộc anh em khác trong đó có dân tộc Việt (Kinh) rất hạn chế. Với trẻ em, hạn chế này càng đậm nét hơn.

Đó cũng là nguyên nhân cơ bản, khách quan làm hạn chế chất lượng học tập của HS Jrai. Còn nguyên nhân mang tính chủ quan thuộc ngành Giáo dục chính là việc chúng ta chưa tìm ra được một cách tiếp cận phù hợp cho đối tượng học tập không phải là người bản ngữ. Chương trình và tài liệu sách giáo khoa (SGK) phổ thông được biên soạn theo quan điểm cho người học là người bản ngữ (học tiếng mẹ đẻ) trong khi với HS dân tộc, TV không phải là tiếng mẹ đẻ mà là ngôn ngữ thứ hai. Giáo viên (GV) đứng lớp hầu như chưa ý thức được đầy đủ và rõ ràng về những vấn đề này. Ở tầng sâu hơn có thể thấy mỗi ngôn ngữ có một đặc trưng ngữ âm, từ vựng ngữ pháp riêng. Không ngôn ngữ nào giống ngôn ngữ nào. Theo lí thuyết giáo dục song ngữ thì người học bao giờ cũng đem thói quen và cả những kiến thức tiếp thu được từ ngôn ngữ thứ nhất sang học ngôn ngữ thứ hai tạo ra một sự chuyển di có khi tích cực, có khi tiêu cực.

II. Một số lưu ý khi dạy TV cho HS Jrai

1. Xác định mục tiêu của bài học

Khi dạy TV cho HS Jrai cần phải lưu ý hai mục tiêu sau:

- Mục tiêu của bài học bao gồm những kiến thức, kĩ năng và thái độ HS cần đạt được sau bài học được xác định theo Chuẩn kiến thức kĩ năng của môn học vận dụng vào bài;

- Mục tiêu tăng cường TV cho HS DTTS. Mục tiêu này gồm các yêu cầu về phát triển vốn từ TV, hiểu cấu trúc ngữ pháp TV có trong bài học để HS hiểu nội dung bài. Mục tiêu tăng cường TV sẽ giúp cho HS Jrai dần thành thạo TV qua mỗi bài học.

Ví dụ: Bài tập đọc *Người bạn tốt* (Sách TV 1 tập 2 trang 106).

1/. Mục tiêu chung của bài (tham khảo sách cho GV).

- Đọc trơn: Đọc đúng các từ ngữ trong bài, chú ý đọc đúng một số từ HS thường đọc sai (liền, sửa lại, nằm, ngưng nghỉ). Tập đọc đúng các câu đối thoại.

- Ôn vần *uc, ut*: tìm đúng tiếng trong bài có vần *uc, ut*. Tìm từ có vần *uc, ut* và đặt câu với từ có vần *uc, ut*.

- Đọc hiểu: Cúc là bạn chưa tốt, chưa biết giúp đỡ bạn. Hà và Nụ là bạn tốt, biết giúp đỡ bạn.

2/ Mục tiêu tăng cường TV (GV tự xác định):

- Biết nghĩa của một số từ: *giờ vẽ, tan học, dây đeo, tuột, sửa, ngay ngắn, ngưng nghỉ*.

- Hiểu cấu trúc câu: *A... mà B...* là cấu trúc biểu thị trong một câu có hai ý: sự việc B diễn ra sau trái ngược với kết quả mong đợi ở sự việc A diễn ra trước.

2. Sử dụng phương pháp đặc trưng cho dạy ngôn ngữ thứ hai

Ngoài những phương pháp dạy TV với tư cách ngôn ngữ thứ hai, khi dạy TV cho HS Jrai, GV cần chú ý đến phương pháp dạy học bằng cách tổ chức các hoạt động hỗ trợ.

Hoạt động hỗ trợ nhằm tăng cường TV, tạo điều kiện cho HS Jrai sử dụng TV với nhiều mục đích giao tiếp khác nhau trong nhiều hoàn cảnh giao tiếp khác nhau. Ngoài ra, hoạt động này còn đem lại cho HS Jrai niềm vui và sự hứng thú trong học TV (nhất là qua các trò chơi ngôn ngữ).

Tổ chức các hoạt động hỗ trợ thường được dùng trong việc tổ chức cho HS tham gia trò chơi học ngôn ngữ; tổ chức các hoạt động ngoại khóa "*Em yêu TV*" để tăng cường khả năng đọc và hứng thú đọc cho HS; xây dựng góc học TV; thành lập tủ sách dùng chung cho lớp (sách do trường cấp phát, do GV và HS sưu tầm). HS đọc, ghi chép và trao đổi. Tăng cường nhiệm vụ thực hành chủ yếu thông qua giao việc cho HS (bài tập miệng và BT viết, có sự hỗ trợ của kênh hình). Trong các hoạt động giáo dục, GV cần:

- Tạo tình huống/ môi trường giao tiếp cho HS ở trong lớp cũng như ngoài lớp.

- Khai thác các tình huống có trong bài học.

- Tăng cường các hoạt động hỏi - đáp.

- Thiết kế các mẫu hội thoại.

- Kích thích nhu cầu chia sẻ những trải nghiệm, chia sẻ tâm tư, tình cảm của HS.

3. Tăng cường đồ dùng dạy học (ĐDDH)

Phương pháp dạy học ngôn ngữ thứ hai thường đòi hỏi nhiều ĐDDH hỗ trợ. Có nhiều loại ĐDDH phục vụ dạy học TV:

- Vật thật, vật mẫu, mô hình do trường cung cấp, do GV và HS tự sưu tầm, chuẩn bị. Các vật thật, vật mẫu có thể là hoa quả, quần áo, đồ dùng thật, ... hoặc được làm bằng các chất liệu khác (gỗ, nhựa, cao su, đất sét, ...). Một số mô hình được làm sẵn như một vài loại đồ chơi GV và HS có thể mượn hoặc mua ...

- Tranh ảnh do nhà trường cung cấp, GV và HS sưu tầm hoặc tự làm. Tranh ảnh để dạy đọc thường ghi lại hình ảnh các vật, con vật, cảnh vật, người, ... thể hiện nội dung chính của bài học. Tranh do GV và HS tự làm có thể vẽ theo cách phác nét bằng bút chì, nội dung tranh tập trung thể hiện nhân vật hoặc sự việc cần minh họa trong bài.

- Băng đĩa phục vụ dạy học TV là những băng đĩa ghi lại hình ảnh âm thanh của các sự kiện không quen thuộc với HS mà có trong bài đọc.

- ĐDDH cần thiết cho tất cả các phân môn. Ví dụ, ở tiết học *Kể chuyện*, ĐDDH có tác dụng khơi gợi, định hướng trí tưởng tượng, sáng tạo của HS; Điểm tựa để HS ghi nhớ nội dung câu chuyện; giúp rèn kĩ năng kể chuyện một cách có hiệu quả; giúp HS hiểu nghĩa từ thuận lợi hơn, nhất là từ ngữ chỉ sự vật, hiện tượng trong câu chuyện; tổ chức trò chơi/ phân vai một cách sinh động. Ở phân môn Luyện từ và câu, ĐDDH tăng cường TV được dùng khi mở rộng vốn từ, kích thích đặt câu theo mẫu, nhận biết từ loại, ...

- ĐDDH cần thể hiện nội dung bài học, có thiết kế đơn giản, dễ làm, dễ tìm vật liệu ở địa phương để làm, có thể sử dụng cho nhiều bài học.

Ngoài những ĐDDH được trang bị sẵn, GV (kể cả phụ huynh, HS) cần sưu tầm và làm thêm nhiều đồ dùng khác, đặc biệt những đồ dùng quen thuộc ở địa phương như tranh ảnh, vật thật, vật mẫu, mô hình ... về văn hóa dân tộc.

4. Hướng dẫn bài tập (BT) thực hành

Khi dạy cho HS Jrai học TV cần phải có những bổ trợ nhằm khắc phục khó khăn do sách biên soạn cho HS người Kinh học ngôn ngữ 1; bổ trợ là những BT, câu hỏi trong SGK phù hợp với việc dạy đọc ngôn ngữ 2; một số BT trong SGK chưa hoàn toàn phù hợp với việc dạy đọc ngôn ngữ 2 được điều chỉnh phù hợp; một số BT bổ sung hoặc thay thế cho những BT trong SGK chưa phù hợp. Việc điều chỉnh một số BT có thể là:

- Làm đơn giản các câu hỏi, BT có sẵn bằng cách chia nhỏ hoặc làm thay đổi cách diễn đạt câu hỏi đó.

- Thêm hình ảnh minh họa để làm dễ hơn một số câu hỏi, bài tập có trong SGK.

Bên cạnh việc giữ lại, điều chỉnh, cần bổ sung một số BT mới, bớt đi một số câu hỏi, BT quá sức với HS Jrai trong một số bài tập đọc. Các BT bổ trợ cần được biên soạn theo nguyên tắc kế thừa những câu hỏi, BT trong SGK phù hợp với việc dạy đọc ngôn ngữ 2; yêu cầu trong các BT thể hiện các mức độ cần đạt của chuẩn kiến thức, kĩ năng của chương trình. Ngoài ra, BT bổ trợ cần phản ánh đúng những khó khăn mà HS học TV như ngôn ngữ 2 gặp phải để giúp HS đạt được mục tiêu tăng cường TV của từng bài. Ví dụ: BT đọc đúng từ HS phát âm sai do ảnh hưởng thói quen phát âm tiếng mẹ đẻ; BT đọc câu có độ dài cần ngắt để tách ý; đọc câu ghép có nhiều vế, ... BT đọc hiểu có thể là: BT kể tên nhân vật hoặc các sự việc trong bài; BT nêu hiểu biết cá nhân về một vài nội dung có trong bài học; BT phát biểu ý kiến là 1 câu ngắn, là 1 đoạn có 2-3 câu ngắn, ... BT trắc nghiệm khách quan (BT nối từ, câu với hình ảnh; BT nối 2 bộ phận hợp thành 1 câu; BT khách quan lựa chọn 1 câu trả lời đúng; ...).

5. Xây dựng môi trường học tập TV

Môi trường học tập TV có tầm quan trọng đặc biệt. Môi trường học tập gồm hai phần: môi trường vật chất và môi trường tâm lí-xã hội.

- *Môi trường vật chất*: Cần làm cho phòng học trở thành môi trường thân thiện và giàu ngôn ngữ, giúp HS có những cơ hội khác nhau để học TV theo ngữ cảnh. Trong lớp học cần có góc ngôn ngữ (nhiều loại sách khác nhau, các đồ vật địa phương, cách bố trí lớp học, bảng lớp, bảng nhóm và việc sử dụng bảng để hỗ trợ học ngôn ngữ 2).

- *Môi trường tâm lí-xã hội*: HS cảm thấy được chào đón ở lớp học; được tôn trọng về ngôn ngữ và văn hóa; HS được động viên tham gia học tập đầy đủ và các em cảm thấy tự tin, vui vẻ với học tập.

III. Kết luận

1. Dạy TV cho HS Jrai ở tiểu học còn nhiều bất cập về chương trình, tài liệu, phương pháp dạy học. Những bất cập này làm ảnh hưởng không tốt đến chất lượng học môn TV nói riêng và chất lượng cả chương trình tiểu học nói chung. Cơ quan quản lí giáo dục cần có hướng dẫn chi tiết về nội dung chương trình, phương pháp dạy học đặc thù. Cần có chiến lược dạy TV cho HS dân tộc phù hợp với



từng vùng dân tộc, xây dựng chương trình, tài liệu riêng cho HSDTTS.

2. Môi trường học TV của HS Jrai còn nhiều hạn chế. Hạn chế từ phía bản thân HS, gia đình và cộng đồng; Tuổi HS còn nhỏ nên không có điều kiện tiếp xúc với bên ngoài; Cha mẹ các em cũng ít người sử dụng được tiếng Việt để có thể giúp đỡ con khi con ở nhà; Người Jrai có tập tính sống cơ cụm theo cộng đồng, một cuộc sống khép kín, thiếu cởi mở ít tiếp xúc với thế giới bên ngoài, kể cả tiếng Jrai nhưng là một phương ngữ khác với họ cũng là một “ngôn ngữ” xa lạ. Cần xây dựng môi trường học TV cho HS DTTS, đẩy mạnh các hoạt động tham quan, ngoại khoá, văn nghệ, thể dục - thể thao nhằm tạo không khí vui tươi, khỏe mạnh và gây hứng thú học tập cho HS.

3. Hạn chế từ phía GV, như đã phân tích cho thấy, GV người Jrai thì thông thạo tiếng Jrai- ngôn ngữ mẹ đẻ của HS, nhưng họ lại không thông thạo TV với tư cách ngôn ngữ dạy học. Vấn đề TV với GV người Jrai còn “vơi” so với yêu cầu. GV người Kinh nói chung sử dụng tương đối tốt ngôn ngữ dạy học là TV, nhưng họ lại còn xa lạ với tiếng Jrai là TMD của HS. Họ không thể sử dụng các phương pháp khai thác từ thể mạnh của TMD của HS. Mỗi đối tượng GV có một nhược điểm họ cần được bổ sung, bồi đắp cho nhau. Nếu không giải quyết cơ bản vấn đề bất cập về phía GV thì chất lượng dạy TV của HS Jrai vẫn còn là một bài toán chưa tìm ra lời giải. Chính vì thế, với GV, nếu là GV người Kinh cần biết ở mức độ đọc thông, viết thạo tiếng dân tộc, ở đây là tiếng Jrai. Trong khi chỉ thị 38 của Thủ tướng yêu cầu các cán bộ công tác ở vùng dân tộc phải biết tiếng dân tộc thì GV lại tỏ ra không hào hứng trong việc học

tiếng của đối tượng dạy học của mình. Trước mắt, GV cần phải tìm hiểu đời sống, phong tục tập quán của địa phương; tìm hiểu đặc điểm tâm lí của HS; năng lực TV của HS để có phương pháp dạy TV phù hợp. Nếu GV là người dân tộc Jrai thì đây là vốn quý bởi từ lâu chúng ta đã xác định và phấn đấu thực hiện phương châm có tính chiến lược; “ dân tộc nào có GV người dân tộc ấy”. Nhưng GV người Jrai, một mặt cũng cần học tiếng mẹ đẻ của mình để thoát nạn mù chữ tiếng mẹ đẻ, đồng thời phấn đấu bồi dưỡng cho mình khả năng sử dụng TV thật tốt. GV dạy TV mà sử dụng TV chưa tốt thì khó có thể dạy HS học tốt TV.

Về phương pháp dạy học TV cho HS DTTS, cần có những đổi mới mạnh mẽ theo hai hướng: 1/ Dạy TV với tư cách ngôn ngữ thứ hai; 2/ Dạy TV trên cơ sở tiếng mẹ đẻ, cụ thể là hiểu sâu sắc sự giống và khác giữa hai ngôn ngữ Jrai- Việt để phát huy những chuyển di tích cực và từng bước hạn chế những chuyển di tiêu cực trên các bình diện ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp... Những nội dung có tính chất như một nguyên tắc cần được chi tiết hóa, cụ thể hóa tới từng kĩ năng, từng phân môn, có như thế mới tránh được tình trạng nói chung chung, không thiết thực.

SUMMARY

The article briefs some notions in teaching Vietnamese languages to J'rai students, which are: 1/ identification of lessons objectives; 2/ using methods of second language teaching; 3/ more use of teaching aids; 4/ guiding practice sessions; 5/ creation of Vietnamese language learning environment.

CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO... (Tiếp theo trang 59)

2- Quyết định số 20/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ký ngày 20/01/2006 về phát triển giáo dục đào tạo và dạy nghề vùng đồng bằng sông Cửu Long.

3- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Cần Thơ khóa XI nhiệm kỳ (2005-2010) và khóa XII nhiệm kỳ (2010-2015).

4- Dự thảo kế hoạch UBND thành phố Cần Thơ - qui hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Cần Thơ đến năm 2020.

5- GS-TS. Ngô Đình Giao, *Chuyển dịch cơ cấu*

kinh tế theo hướng công nghiệp hóa nền kinh tế quốc dân. NXB Chính trị Quốc gia 2004.

6- GS-TS. Nguyễn Lộc, Khoa học quản lí giáo dục. Tập tài liệu bài giảng, năm 2008.

SUMMARY

In order to meet the needs of economic structure shift in Can Tho by 2020 the author presents policies concerning manpower training and job placement as mean to make the city a center of education and sciences-technologies in Mekong Delta.